TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 06/2018/DS-PT
Ngày 03/01/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng
Các thẩm phán: Ông Lê Công Toại
Bà Nguyễn Thị Trinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh:*** Ông Phan Văn Kiền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 và ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 565/DSPT ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 402/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân quận TĐ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2838/2017/QĐ-PT ngày 01/12/2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3158/2017/QĐ-PT ngày 22/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trình Thị Thu V, sinh năm 1957 (có mặt)
Trú tại: 715A HG, Phường QQ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, trú tại 222/10/8 đường TC, Khu phố Y, phường THT, Quận QW, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 23/9/2016) (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1953 (có mặt)
Trú tại: 24/9/2 ĐVB, phường BT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Trần T, trú tại số N4 Đường số 672, phường PL B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 07/4/2017) (có mặt)

Người làm chứng: Ông Cao Hoàng C, sinh năm 1973
Trú tại: 111 đường DC, phường BT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Trần Văn N

Kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân quận TĐ Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2016, các bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất, nguyên đơn là bà Trình Thị Thu V có bà Nguyễn Thị N làm đại diện theo ủy quyền trình bày là bà Trình Thị Thu V và ông Trần Văn N có mối quan hệ tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến cuối năm 2012 tại địa chỉ 32 TN, phường BT, quận TĐ, TP Hồ Chí Minh và sau đó là chấm dứt. Trong năm 2008, ông N có hỏi vay bà V 400.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình, do không có ngay một lúc nên bà V có giao cho ông N làm nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 29/72008 giao 100.000.000 đồng
- Ngày 01/9/2008 giao 130.000.000 đồng
- Ngày 15/9/2008 giao 30.000.000 đồng
- Ngày 08/102008 giao 11.000.000 đồng
- Ngày 10/10/2008 giao 29.000.000 đồng
- Ngày 20/10/2008 giao 20.000.000 đồng
- Ngày 05/11/2008 giao 30.000.000 đồng
- Ngày 14/11/2008 giao 50.000.000 đồng

Việc giao nhận tiền không lập thành văn bản, ông N có hẹn khi bán nhà trên Buôn Mê Thuột sẽ trả tiền cho bà V. Đến năm 2015, bà V phát hiện ông N đã bán nhà trên Buôn Mê Thuột để đầu tư xây khách sạn nhưng không trả nợ cho bà nên bà đã yêu cầu ông N thanh toán nợ nhưng ông N nhiều lần xin khất không chịu trả nợ. Ngày 20/7/2016 bà V đến khách sạn PM ở quận TĐ (khách sạn của ông N) để yêu cầu ông trả nợ, hai bên cãi nhau, ông N có mời công an phường BT đến can thiệp, bà V đã dùng điện thoại Iphone 5 của mình để bí mật ghi âm lại buổi làm việc, trong đoạn ghi âm ông N thừa nhận có nợ bà V 300.000.000 đồng chưa trả. Ngày 28/9/2016, đại diện của bà V đã làm thông báo cho ông N trong hạn 10 ngày phải thanh toán nợ nhưng ông N không trả lời.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất, bị đơn là ông Trần Văn N có ông Đặng Trần T là đại diện theo ủy quyền trình bày là từ năm 2008, bà V và ông N có quan hệ tình cảm với nhau cho đến cuối năm 2012 thì chấm dứt. Trong thời gian chung sống, bà V ông N có hùn vốn để mở quán cà phê QH tại số 32 đường TN, phường BT, quận TĐ, TP Hồ Chí Minh. Bà V hùn vốn khoảng 300.000.000 đồng và tự chi tiêu vào các hạng mục của quán như: Bàn ghế, đồ đạc sinh hoạt, hệ thống internet… Ông N tự bỏ tiền khoảng 860.000.000 đồng để cải tạo mặt bằng, phòng ốc, hòn non bộ, cây cảnh... Năm 2012, sau khi chấm dứt quan hệ tình cảm thì ông N ra làm ăn riêng và bàn giao toàn bộ quán cà phê QH lại cho bà V quản lý kinh doanh. Đoạn ghi âm bà V cung cấp đúng là giọng của ông N được ghi âm tại khách sạn PM của ông N ở phường BT, quận TĐ nhưng đoạn ông N thừa nhận nhận 300.000.000 đồng là các khoản tiền đầu tư vào quán QH, không phải là khoản tiền vay mượn, do đó ông N không đồng ý với yêu cầu của bà V.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Nguyễn Thị N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Văn N trả ngay cho nguyên đơn số tiền là

300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và nợ lãi theo mức lãi suất 7% năm từ ngày hết hạn thông báo mà ông N không trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm là khoảng gần 21.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu hoặc nộp bổ sung thêm chứng cứ gì.

Ông Đặng Trần T là đại diện theo ủy quyền của bị đơn thì không thừa nhận việc ông N có vay tiền của bà V do đó không chấp nhận với yêu cầu của bà V.

Người làm chứng là ông Cao Hoàng C xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai: Ông là công an phường BT, quận TĐ, TP Hồ Chí Minh. Khoảng 14 giờ ngày 20/7/2016, ông Trần Văn N là chủ khách sạn PM có điện thoại cho cảnh sát khu vực trình báo về việc mất trật tự xảy ra tại khách sạn của ông, do đang ở ca trực nên ông có xuống khách sạn và chứng kiến việc bà V và ông N tranh cãi với nhau về việc vay mượn nợ, ông có nghe các bên trình bày và có giải thích việc tranh chấp dân sự, các bên nộp đơn khởi kiện tại Tòa án hoặc tư pháp phường. Ông C không tiến hành lập biên bản. Tại thời điểm này, ông N không bị say rượu hoặc kích động.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có căn cứ để xác định bà Trình Thị Thu V và ông Trần Văn N có quan hệ hùn hạp để mở quán cà phê QH tại quận TĐ, TP Hồ Chí Minh. Bà V cho rằng ông N có vay của bà 400.000.000 đồng và chỉ cung cấp được đoạn băng ghi âm là ông N thừa nhận mượn bà V 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, đoạn ghi âm không thể hiện rõ việc ông N có mượn tiền của bà V và ông N cũng không thừa nhận việc vay mượn này. Do đó, không có cơ sở xác định ông N mượn bà V 300.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 402/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân quận TĐ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Ông Trần Văn N phải trả cho bà Trình Thị Thu V số nợ là 319.775.000 (Ba trăm mười chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng trong đó nợ gốc đã vay là 300.000.000 đồng, lãi là 19.775.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn N chậm trả số tiền nêu trên thì ông N còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tại thời điểm trả nợ.

Ngoài ra, Tòa sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Viện Kiểm sát nhân dân quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm do việc nhận định, đánh giá chứng cứ của Tòa cấp sơ thẩm chưa toàn diện.

Ông Trần Văn N đã có đơn yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do bản án không khách quan, ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Văn N phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc đã vay là 300.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất Ngân hàng từ ngày hết thời gian thông báo trả nợ (ngày 09/10/2016) đến ngày ông N thực tế trả hết nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu của bà V về việc buộc bị đơn trả cho bà 300.000.000 đồng và tiền lãi vì bị đơn không vay tiền của bà, thực ra đây là số tiền bà V đã hùn hạp, đầu tư vào việc mua trang thiết bị cho quán cà phê QH.

Đoạn ghi âm mà bà V cung cấp có đoạn nghe được, có đoạn không rõ lời, có tiếng nói, cãi vã của nhiều người xen kẽ, bộc lộ lời lẽ nói xấu cho thỏa mãn cơn tức giận trong việc góp vốn mở quán cà phê chung. Bị đơn có nói ba trăm, ba trăm nhưng không phải thừa nhận vay bà V mà là số tiền bà V đầu tư, còn bị đơn đầu tư vào quán cà phê này nhiều hơn. Đoạn ghi âm chưa thể hiện đầy đủ nội dung cuộc tranh cãi giữa hai bên.

- Nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận TĐ:

Bà V cung cấp chứng cứ là đoạn ghi âm, ông N không đề nghị giám định nhưng ông chỉ thừa nhận chuyện hùn hạp mở quán cà phê mà không thừa nhận mượn nợ bà V. Đoạn ghi âm cũng không thể hiện rõ việc ông N vay tiền của bà V nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa trưng cầu giám định, làm rõ nội dung ghi âm. Ngoài đoạn ghi âm trên thì bà V không có chứng cứ nào khác để chứng minh việc ông N vay tiền của bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đoạn ghi âm nêu trên để buộc ông N trả cho bà V số tiền nợ gốc và lãi là không có cơ sở.

Bà V và ông N không có thỏa thuận về việc trả lãi, nên ông N không phải chịu lãi đối với khoản nợ chậm trả cho bà V. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N chịu trách nhiệm trả lãi cho bà V kể từ thời điểm hết thời hạn nhận được thông báo đòi nợ mà không trả nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm là vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp sổ ghi chép các lần đưa tiền cho ông N nhưng ông N không thừa nhận do không có chữ ký của ông. Nguyên đơn xác định là chỉ khi có ông Cao Hoàng C là công an phường BT quận TĐ đến chứng kiến thì nguyên đơn mới ghi âm, đoạn ghi âm này là liên tục không cắt xén. Do, ông N nhận được Giấy thông báo đòi nợ (có yêu cầu trả nợ lãi) nhưng ông không thanh toán, nên ông phải chịu lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên. Về kháng nghị của Viện Kiểm sát thì nguyên đơn cho rằng kháng nghị không đạt tình và lý.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm bà V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ về việc bà V đưa tiền cho bị đơn. Nay, phiên tòa phúc thẩm bà V có cung cấp nhưng sổ ghi chép này không có giá trị vì không có chữ ký xác nhận của bị đơn. Bị đơn xác nhận có cuộc nói chuyện

giữa bà V ông C (công an phường BT) và bị đơn tại khách sạn PM. Bị đơn xác nhận là có nhận Giấy thông báo về việc thanh toán nợ của bà V nhưng bị đơn không thừa nhận nợ nên không thanh toán. Sự việc cãi vã giữa các bên có thời gian dài, bà V không ghi âm từ đầu mà chỉ ghi âm từ khi có ông C đến chứng kiến như vậy là lén lút, không xuyên suốt từ đầu đến cuối nên không có giá trị. Bị đơn xác định cuộc nói chuyện giữa các bên là liên tục nên không yêu cầu giám định đoạn ghi âm nêu trên. Bị đơn đồng tình với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận TĐ.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định. Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận TĐ trong thời hạn luật định. Về nội dung thì tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn không yêu cầu giám định đoạn ghi âm. Vào giây 50 phút thứ 8 của đoạn ghi âm được phát khi ông C hỏi bị đơn "Chị nói anh mượn của chị 400.000.000 đồng đúng không?" bị đơn trả lời "Có ba trăm thôi, ba trăm, ba trăm, ba trăm", như vậy đã xác định bị đơn nợ nguyên đơn 300.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số nợ nêu trên là có cơ sở. Nguyên đơn căn cứ vào thông báo gửi cho bị đơn về việc đòi nợ để tính lãi là không có cơ sở vì đây chỉ thể hiện ý chí của nguyên đơn, bị đơn không thừa nhận khoản nợ, nên cần phải áp dụng Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 cho hợp đồng vay không kỳ hạn không có lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào việc nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, Viện Kiểm sát không rút kháng nghị. Hai bên cũng không thỏa thuận được giải quyết vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo bản án của bị đơn gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định. Văn bản kháng nghị bản án của Viện Kiểm sát nhân dân quận TĐ gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

- Bị đơn cho rằng đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp có đoạn nghe được, có đoạn không rõ lời, có tiếng nói, cãi vã của nhiều người xen kẽ, bộc lộ lời lẽ nói xấu cho thỏa mãn cơn tức giận trong việc góp vốn mở quán cà phê chung. Bị đơn có nói ba trăm ba trăm nhưng không phải là thừa nhận có vay của nguyên đơn mà số tiền này nguyên đơn đã hùn hạp, đầu tư vào việc mua trang thiết bị cho quán cà phê QH; đoạn ghi âm chưa thể hiện đầy đủ nội dung cuộc tranh cãi giữa hai bên là không có cơ sở chấp nhận do đoạn ghi âm được phát ra là nghe được mà nguyên đơn đã thể hiện hai vấn đề là tiền vay và việc hùn hạp tại quán cà phê. Bị đơn xác định cuộc nói chuyện giữa các bên là liên

tục tại khách sạn PM nên không yêu cầu giám định đoạn ghi âm; đoạn ghi âm được phát tại giây 19 phút thứ 9 khi ông C hỏi bị đơn "Chị nói anh mượn của chị 400.000.000 đồng đúng không?" bị đơn trả lời "Có ba trăm thôi, ba trăm, ba trăm, ba trăm", như vậy đã xác định bị đơn nợ nguyên đơn 300.000.000 đồng, không phải tiền hùn hạp, đầu tư vào việc mua trang thiết bị cho quán cà phê QH. Ngoài ra, đoạn ghi âm còn phát tại giây 10 phút thứ 19 khi ông C nói "anh cứ khẳng định từ nãy là anh mượn ba trăm, chị nói là bốn trăm, chị chấp nhận chuyện đó, tôi khách quan thôi. Như giờ anh mượn chị ba trăm, thì thôi bây giờ mình cứ hiểu nhau như vậy đi, còn vấn đề về đơn thư khiếu nại mỗi người sẽ có cái riêng của mình, đừng làm ồn ào nữa", bị đơn trả lời "bây giờ thí dụ xử lý cái quán, tức là xử lý cái quán, thí dụ bây giờ tôi còn thiếu bao nhiêu, thiếu bao nhiêu trong đó, cô nếu lấy cái quán, đúng không, thí dụ bây giờ tôi có đóng góp trong đó hai trăm hoặc ba trăm, thì bây giờ, coi như là cái chuyện thí dụ như bây giờ nếu như là một cô lấy, hai là tôi lấy, ba là cùng sang, có đúng không. Thì sang, thí dụ sang như trong phần đó tôi cũng được chia bao nhiêu, thì bây giờ tôi lấy cái tiền đó, tôi có nợ nần thì tôi trả cho cô, tôi có nói không đâu", nghĩa là bị đơn đã xác định phương án trả nợ bằng cách nguyên đơn nhận hoặc bị đơn nhận hoặc sang cho người khác quán QH (nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận là có việc hùn hạp mở quán cà phê QH) điều này chứng tỏ bị đơn có vay tiền của nguyên đơn. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2017, người làm chứng ông Hoàng Cao C công an phường BT cũng xác nhận nguyên đơn nói bị đơn mượn bốn trăm, bị đơn trả lời có ba trăm thôi. Hai bên còn cự cãi về chuyện hùn hạp làm ăn và bị đơn hoàn toàn không say xỉn hay bị kích động.

Do đó, có cơ sở để xác định đoạn ghi âm là đúng sự thật và nội dung đoạn ghi âm bị đơn đã thừa nhận có vay của nguyên đơn 300.000.000 đồng.

- *Bị đơn cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ về việc bà V đưa tiền cho bị đơn. Nay, phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có cung cấp nhưng sổ ghi chép này không có giá trị vì không chữ ký xác nhận của bị đơn* thì vấn đề này Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy trong vụ án này thì sổ ghi chép mà nguyên đơn cung cấp đúng là không có giá trị về mặt pháp lý nhưng cũng không ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp giữa hai bên, do đoạn ghi âm nêu trên đã thể hiện rõ việc xác nhận nợ giữa hai bên.

- *Sự việc cãi vã giữa các bên có thời gian dài, bà V không ghi âm từ đầu mà chỉ ghi âm từ khi có ông C đến chứng kiến như vậy là lén lút, không xuyên suốt từ đầu đến cuối nên không có giá trị* thì vấn đề này không có cơ sở để được chấp nhận do không cần phải trọn vẹn câu chuyện và phải công khai mà đoạn ghi âm đó chỉ cần thể hiện những điều quan trọng, liên tục mà chính là các bên trình bày, cụ thể là bị đơn đã thừa nhận số nợ nêu trên.

Do, bị đơn xác nhận là có nhận Giấy thông báo về việc thanh toán nợ đề ngày 26/9/2016 cho nguyên đơn (số nợ, thời điểm bắt đầu tính nợ lãi) nhưng bị đơn không thừa nhận nợ (hai bên không có thỏa thuận về lãi suất), nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi đúng theo Điều 401, Điều 471, Khoản 4 Điều 474, Khoản 1 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên kháng

cáo của bị đơn có cơ sở để được chấp nhận một phần là về mặt không chịu nợ lãi kể từ ngày nhận được thông báo đòi nợ mà không thực hiện cho đến khi xét xử sơ thẩm. Riêng, số nợ vay 300.000.000 đồng bị đơn phải thanh toán ngay nguyên đơn.

[3] Về kháng nghị của Viện Kiểm sát quận TĐ: Viện Kiểm sát nhân dân quận TĐ cho rằng bị đơn chỉ thừa nhận chuyện hùn hạp mở quán cà phê mà không thừa nhận mượn nợ nguyên đơn. Đoạn ghi âm cũng không thể hiện rõ việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa trưng cầu giám định, làm rõ nội dung ghi âm mà buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi (hai bên không có thỏa thuận) là không có cơ sở thì như phân tích nêu trên cũng như với ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận TĐ chỉ được chấp nhận một phần là không được tính lãi do hai bên không có thỏa thuận, còn nợ gốc 300.000.000 đồng bị đơn phải thanh toán ngay cho nguyên đơn.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận TĐ. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên án phí sơ thẩm được tính lại như sau:

- Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn,
- Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền mà Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận (tính trên số tiền lãi 19.775.000 đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 401, Điều 471, Khoản 4 Điều 474, Khoản 1 Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009,
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn N, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận TĐ. Sửa bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn N phải thanh toán cho bà Trình Thị Thu V số tiền nợ là 300.000.000 *(Ba trăm triệu)* đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trình Thị Thu V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn N chưa thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông Trần Văn N còn

phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2 - Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn N phải chịu án phí là 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu)* đồng;

+ Bà Trình Thị Thu V phải chịu án phí là 988.750 đồng *(Chín trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.480.000 đồng theo Biên lai thu số 0013976 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận TĐ Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trình Thị Thu V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 13.491.250 *(Mười ba triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi)* đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn N không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả cho ông Trần Văn N số tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng theo Biên lai thu số 0037216 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TĐ Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận TĐ;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Dũng